

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS- ST

Ngày: 28/03/2022

V/v : Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc Kiếm

2. Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXX- ST ngày 14 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DT ngày 02/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Tổng Công ty M

Địa chỉ: Trường Trung cấp V, phố T, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức Tâm- Chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Th - Chức vụ: Chủ tịch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Đại lộ Ng, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Huy T- Chức vụ: Chủ tịch.

Tại phiên tòa có mặt Nguyên đơn; Bị đơn; Vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày:

Tổng Công ty M là đơn vị sáng lập trường Trung cấp y, được Văn Hiến (Gọi tắt là Trường V). Năm 2010, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Q, tỉnh

Thanh Hóa về việc giải quyết đường đi cho Trường Trung cấp V, đồng thời xây dựng tuyến đường giao thông cho xã Q (Đoạn QL1A đi trung tâm xã). Công ty M đã chuyển vào tài khoản của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để đóng góp xây dựng đường giao thông. Tuy nhiên kể từ khi chuyển tiền đến nay đã 11 năm nhưng tuyến đường vẫn không được xây dựng.

Công ty M đã yêu cầu UBND xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thành phố H) hoàn trả số tiền trên nhưng UBND phường Q không thực hiện.

Do đó, Tổng Công ty M đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa buộc UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa hoàn trả số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cho Công ty M và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công trình đường giao thông xã Q (nối QL 1A với trung tâm xã) được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng tại Công văn số 224/UBND-CT ngày 27/4/2010; được ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 2293/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 với tổng mức đầu tư được duyệt là 6.884.677.000đ; Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã Q đảm nhận 50% còn lại do Trường Trung cấp nghề V đảm nhận (Theo biên bản thỏa thuận giữa nhà trường và UBND xã Q).

Công ty TNHH S là đơn vị được UBND xã Q chỉ định thầu gói thầu xây lắp công trình đường giao thông xã Q (nối QL 1A với trung tâm xã) theo Quyết định số 75b/QĐ-UBND ngày 18/12/2010 với giá trị chỉ định thầu là 2.935.000.000đ.

Ngày 29/12/2010, UBND xã Q và Công ty TNHH S tiến hành ký hợp đồng xây dựng số 10/HĐ-XD với giá trị hợp đồng là 2.935.000.000đ. Theo khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thì sau khi ký hợp đồng xây lắp, UBND phường Q tạm ứng 50% giá trị hợp đồng cho Công ty S. Ngày 13/12/2010, UBND xã Q đã chuyển số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) từ kinh phí đóng góp của Tổng công ty M.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã tiến hành hoạt động xây dựng công trình. Ngày 28/01/2011, sau khi hoàn thành hạng mục thi công rãnh thoát nước, Công ty S đã gửi phiếu giá thanh toán có giá trị 576.008.000đ và được UBND xã Q xác nhận. Công ty S đã làm thủ tục thanh toán tạm ứng tại Kho bạc nhà nước huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Do khó khăn vướng mắc trong công tác Giải phóng mặt bằng nên việc thi công hạng mục tiếp theo của công trình đường giao thông bị tạm dừng. Từ thời điểm đó đến năm 2015 không ghi nhận các hoạt động xây dựng, điều chỉnh hay gia hạn hợp đồng thi công.

Năm 2015, do bị ảnh hưởng bởi quy hoạch phân khu số 14 do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt theo Quyết định số 3515/QĐ-UBND ngày 14/9/2015; tuyến đường giao thông xã Q không phù hợp với quy hoạch. Do đó công trình dừng thi công cho đến thời điểm hiện nay. Số tiền còn dư ứng là 423.992.000đ nhưng đến nay Công ty S không thực hiện hoàn trả số tiền dư ứng cho UBND xã Q, huyện Q.

UBND phường Quảng Thịnh đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty TNHH S phổ hợp để quyết toán dự án nhưng phía Công ty không có phản hồi cho đến nay. Do ảnh hưởng bởi việc sáp nhập địa giới hành chính từ huyện Q lên thành phố H, chuyển trụ sở làm việc và nhiều cán bộ đã nghỉ hưu nên hồ sơ lưu trữ bị thất lạc, gặp nhiều khó khăn.

Đối với số tiền đã thanh toán cho Công ty S là 576.008.000đ, đề nghị Công ty M chịu 50% vì theo Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cùng đã ghi rõ nguồn vốn đầu tư là 50% Ngân sách xã Q đảm nhận và 50% còn lại do Trường trung cấp nghề V đảm nhận. Số tiền dư ứng Công ty S đang chiếm giữ, UBND phường Q sẽ có trách nhiệm thu hồi để trả lại cho Công ty M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố H trình bày:

Theo hợp đồng xây dựng đã ký kết, UBND phường Q đã tạm ứng cho Công ty S số tiền 1.000.000.000đ. Ngày 28/01/2011, sau khi hoàn thành hạng mục thi công rãnh thoát nước, Công ty S đã gửi phiếu giá thanh toán có giá trị 576.008.000đ và được UBND xã Q xác nhận. Công ty S đã làm thủ tục thanh toán tạm ứng tại Kho bạc nhà nước huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền còn dư ứng là 423.992.000đ nhưng đến nay Công ty S không thực hiện hoàn trả số tiền dư ứng cho UBND xã Q, TP H.

Ngày 27/12/2019, Phòng Quản lý đô thị UBND thành phố H đã có văn bản số 287/CV-QLĐT, Ngày 12/8/2020, UBND thành phố Thanh Hóa có văn bản số 4091/UBND-QLĐT với nội dung: Do ảnh hưởng của quy hoạch nên không còn mặt bằng để thi công công trình; Thống nhất chủ trương dừng thực hiện dự án; Giao UBND phường Q tiến hành thủ tục hoàn trả phần tiền mà Công ty M đã đóng góp.

Do UBND phường Q không bổ sung đầy đủ hồ sơ và các văn bản pháp lý liên quan nên UBND thành phố H không có cơ sở để xem xét triển khai các thủ tục nghiệm thu, quyết toán dự án hoàn thành.

UBND thành phố Thanh Hóa đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa căn cứ các tài liệu có liên quan để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền 288.004.000đ.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc UBND phường Q, thành phố H hoàn trả cho Công ty M số tiền 711.996.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc UBND phường Q, thành phố H phải hoàn trả lại cho Tổng Công ty M cổ phần số tiền 711.996.000đ (Bảy trăm mười một triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có trụ sở tại địa bàn thành phố Thanh Hóa. Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền. Do đó đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Bị đơn đều thừa nhận:

Năm 2010, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đường đi cho Trường Trung cấp V, đồng thời xây dựng tuyến đường giao thông cho xã Q (Đoạn QL1A đi trung tâm xã). Công ty M đã chuyển vào tài khoản của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để đóng góp xây dựng đường giao thông. Ngày 29/12/2010, UBND xã Q và Công ty TNHH S tiến hành ký hợp đồng xây dựng số 10/HĐ-XD với giá trị hợp đồng là 2.935.000.000đ. Ngày 13/12/2010, UBND xã Q đã chuyển số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) từ kinh phí đóng góp của Tổng công ty M cho Công ty S.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã tiến hành hoạt động xây dựng công trình. Ngày 28/01/2011, sau khi hoàn thành hạng mục thi công rãnh thoát nước, Công ty S đã gửi phiếu giá thanh toán có giá trị 576.008.000đ và được UBND xã Q xác nhận. Công ty S đã làm thủ tục thanh toán tạm ứng tại Kho bạc nhà nước huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Do khó khăn vướng mắc trong công tác Giải phóng mặt bằng nên việc thi công hạng mục tiếp theo của công trình đường giao thông bị tạm dừng.

Đối với số tiền đã thanh toán cho Công ty S là 576.008.000đ, UBND phường Quảng Thịnh đề nghị Công ty Minh Tân chịu 50% vì theo Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cùng đã ghi rõ nguồn vốn đầu tư là 50% Ngân sách xã Quảng Thịnh đảm nhận và 50% còn lại do Trường trung cấp nghề V đảm nhận.

Công ty M cũng đồng ý chịu 50% đối với số tiền theo phiếu giá thanh toán của Công ty S. Số tiền còn lại là 711.996.000đ, yêu cầu UBND phường Q, thành phố H sớm thanh toán lại cho Công ty M.

Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, UBND phường Q cũng có ý kiến sẽ cố gắng tìm phương án thanh toán nốt số tiền 711.996.000đ cho Công ty M trong thời gian sớm nhất.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận sự tự nguyện của Tổng Công ty M chịu 50% đối với số tiền theo phiếu giá thanh toán của Công ty S, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền này là 288.004.000đ. Buộc UBND phường Q, thành phố H phải hoàn trả cho Tổng Công ty M số tiền còn lại là 711.996.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của Tổng Công ty M cổ phần về việc không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí: UBND phường Q, thành phố H phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty M về việc yêu cầu UBND phường Q, thành phố H hoàn trả số tiền 288.004.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty M.

Buộc UBND phường Q, thành phố H phải hoàn trả lại cho Tổng Công ty M số tiền 711.996.000đ (Bảy trăm mười một triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng); Không yêu cầu tính lãi suất.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: UBND phường Q, thành phố H phải nộp 32.480.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Tổng Công ty M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.000.000đ theo biên lai thu số AA/2021/001275 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS - TP H;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh